

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 40

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 561, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bá Chủ	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Ngử	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016 và từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Ngử	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên	
Ông Lê Quang Hải	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Trọng Tịnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Lừng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	từ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Bá Chủ	bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Ngử	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016 và từ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Quốc Việt	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016

Ông Hoàng Trọng Tịnh được Ông Nguyễn Bá Chủ ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Thành viên số 54B/2017/QĐ-CT.HĐTV vào ngày 1 tháng 9 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là Công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 15.1 (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"). Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 10 năm 2017

Số tham chiếu: 61248763/19302543

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 10 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 10 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		953.364.906.290	686.303.299.140
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	103.621.746.743	56.364.700.935
111	1. Tiền		103.621.746.743	21.464.700.935
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	34.900.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		554.047.224.334	409.273.132.137
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	86.936.960.324	314.229.607.842
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	186.449.364.295	90.238.289.679
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	272.800.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	9.123.645.141	4.805.234.616
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(1.262.745.426)	-
140	III. Hàng tồn kho	9	294.056.122.604	216.619.169.653
141	1. Hàng tồn kho		294.056.122.604	216.619.169.653
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.639.812.609	4.046.296.415
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.639.812.609	3.938.619.152
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	52.963.784
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	54.713.479
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		847.940.262.885	885.688.488.529
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		64.606.944.228	46.808.893.985
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	64.606.944.228	46.799.893.985
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	9.000.000
220	II. Tài sản cố định		613.028.782.181	667.909.014.898
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	549.841.733.642	599.785.836.299
222	Nguyên giá		983.193.822.252	965.139.106.615
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(433.352.088.610)	(365.353.270.316)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	62.692.225.631	67.610.055.686
225	Nguyên giá		73.767.448.385	73.767.448.385
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.075.222.754)	(6.157.392.699)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	494.822.908	513.122.913
228	Nguyên giá		1.110.686.516	1.110.686.516
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(615.863.608)	(597.563.603)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.271.803.998	2.992.636.514
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	3.271.803.998	2.992.636.514
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	160.119.552.000	160.119.552.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		130.000.000.000	130.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.119.552.000	30.119.552.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.913.180.478	7.858.391.132
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	6.913.180.478	7.858.391.132
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.801.305.169.175	1.571.991.787.669

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.113.029.374.225	1.054.033.522.548
310	I. Nợ ngắn hạn		901.619.822.762	791.929.662.227
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	11.043.812.953	11.571.837.100
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	72.692.704.593	140.593
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.007.396.037	4.355.730.910
314	4. Phải trả người lao động		2.015.753.629	8.342.155.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	11.832.750.008	9.902.031.340
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.223.968.780	8.906.318.633
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	796.609.245.072	748.373.268.756
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.194.191.690	478.179.061
330	II. Nợ dài hạn		211.409.551.463	262.103.860.321
337	1. Phải trả dài hạn khác		185.500.000	185.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	211.224.051.463	261.918.360.321
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		688.275.794.950	517.958.265.121
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	688.275.794.950	517.958.265.121
411	1. Vốn điều lệ đã góp		539.998.760.000	389.998.760.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		(255.383.119)	(255.383.119)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.362.914.423	54.362.914.423
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.169.503.646	73.851.973.817
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.515.695.978	44.915.244.726
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		76.653.807.668	28.936.729.091
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.801.305.169.175	1.571.991.787.669

Dương Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng

Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 10 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.010.990.541.290	672.776.101.948
02	2. Các khoản giảm trừ	23.1	-	(7.045.487.373)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.010.990.541.290	665.730.614.575
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(832.651.448.323)	(565.452.493.819)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		178.339.092.967	100.278.120.756
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	42.161.287.338	18.136.602.669
22	7. Chi phí tài chính	25	(79.272.181.602)	(48.701.733.873)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(63.414.111.248)	(47.407.308.360)
25	8. Chi phí bán hàng	26, 28	(27.255.899.939)	(18.313.293.580)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 28	(34.934.554.999)	(24.352.507.042)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.037.743.765	27.047.188.930
31	11. Thu nhập khác	27	1.834.294.023	850.420.516
32	12. Chi phí khác	27	(1.195.154.711)	(948.203.908)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		639.139.312	(97.783.392)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.676.883.077	26.949.405.538
51	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hiện hành	29.1	(148.452.764)	3.587.254.642
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		79.528.430.313	30.536.660.180

Dương Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Văn Kim Cường
Kế toán trưởng

Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 10 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		79.676.883.077	26.949.405.538
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		75.347.734.861	53.727.116.277
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.262.745.426	(281.031.440)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	105.513
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(26.058.065.979)	(16.490.751.769)
06	Chi phí lãi vay		63.414.111.248	47.407.308.360
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		193.643.408.633	111.312.152.479
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		109.918.124.970	(158.182.888.401)
10	Tăng hàng tồn kho		(77.436.952.951)	(165.332.188.906)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		61.414.812.319	(1.008.133.700)
12	Giảm chi phí trả trước		3.244.017.197	38.755.303.232
14	Tiền lãi vay đã trả		(64.239.204.741)	(46.242.025.040)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(436.549.327)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.494.887.855)	(4.230.523.111)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		218.049.317.572	(225.364.852.774)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(24.444.045.514)	(75.940.173.884)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.605.616.089	2.019.090.910
23	Tiền chi cho vay		(617.800.000.000)	(397.083.815.841)
24	Tiền thu hồi cho vay		345.000.000.000	397.083.815.841
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(32.643.219.455)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		26.304.490.203	20.259.899.454
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(268.333.939.222)	(86.304.402.975)

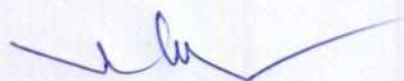
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.481.112.005.349	1.056.650.547.554
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.474.407.508.811)	(741.557.001.502)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(9.162.829.080)	(6.872.121.810)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		97.541.667.458	308.221.424.242
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		47.257.045.808	(3.447.831.507)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		56.364.700.935	59.812.532.442
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	103.621.746.743	56.364.700.935



Dương Thúy Hằng
Người lập



Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng



Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 561, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 437 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 429).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty là Công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 15.1 (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"). Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Thông tin so sánh

Công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2015, kỳ kế toán đầu tiên của Công ty áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016. Theo đó, các dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan kèm theo được trình bày cho mục đích cung cấp thông tin và không mang tính so sánh với số liệu của năm hiện hành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ, dụng cụ | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản cố định thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	4 - 5 năm

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong kỳ.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	124.612.135	172.053.596
Tiền gửi ngân hàng	103.497.134.608	21.292.647.339
Các khoản tương đương tiền	-	34.900.000.000
TỔNG CỘNG	103.621.746.743	56.364.700.935

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	86.529.578.725	314.016.463.333
Phải thu bên khác	407.381.599	213.144.509
TỔNG CỘNG	86.936.960.324	314.229.607.842
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(83.365.799)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	86.853.594.525	314.229.607.842

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1 và 21.2).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	186.449.364.295	90.238.289.679
Nông dân (*)	164.724.222.620	89.585.127.681
Các bên khác	21.725.141.675	653.161.998
Dài hạn	64.606.944.228	46.799.893.985
Nông dân (*)	64.606.944.228	46.799.893.985
TỔNG CỘNG	251.056.308.523	137.038.183.664
Trong đó:		
Bên khác	230.140.776.243	136.659.438.164
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	20.915.532.280	378.745.500
Dự phòng trả trước khó đòi	(1.179.379.627)	-
Trong đó:		
Ngắn hạn	(1.179.379.627)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	249.876.928.896	137.038.183.664

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía hưởng lãi suất từ 0% đến 9,5% một năm.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh số 30)	272.800.000.000	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản cho bên liên quan vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín				
Hợp đồng số 06/2016/HĐVV/ ST-TTCS ngày 10 tháng 8 năm 2016	109.000.000.000	Ngày 10 tháng 8 năm 2017	10,0	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công				
Hợp đồng số 129/2016/HĐVV/ SEC-TTC ngày 9 tháng 9 năm 2016	88.800.000.000	Ngày 13 tháng 12 năm 2017	8,5	Tín chấp
Hợp đồng số 318/2016/HĐVV/ SEC-TTC ngày 31 tháng 8 năm 2016	20.000.000.000	Ngày 29 tháng 8 năm 2017	8,0	Tín chấp
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công				
Hợp đồng số 247/2016/HĐVV/ TMTTC-TTCS ngày 27 tháng 12 năm 2016	35.000.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2017	9,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh				
Hợp đồng số 11/2016/HĐVV/ TTCS-TTCS Gia Lai ngày 6 tháng 12 năm 2016	20.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	8,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	272.800.000.000			

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải thu	6.359.694.661	2.211.423.566
Tạm ứng cho nhân viên	2.352.560.922	2.239.213.775
Khác	411.389.558	354.597.275
TỔNG CỘNG	9.123.645.141	4.805.234.616
Trong đó:		
Bên khác	2.540.217.064	2.542.393.050
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	6.583.428.077	2.262.841.566

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	273.566.809.698	200.102.096.111
Nguyên vật liệu	14.686.006.292	14.518.914.877
Công cụ, dụng cụ	4.868.403.140	1.191.773.552
Hàng hóa	934.903.474	806.385.113
TỔNG CỘNG	294.056.122.604	216.619.169.653

Hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21.1).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.639.812.609	3.938.619.152
Chi phí phân bổ ngoài vụ	1.546.512.109	3.891.252.480
Khác	93.300.500	47.366.672
Dài hạn	6.913.180.478	7.858.391.132
Tiền thuê đất trả trước (*)	3.012.361.786	3.514.187.997
Công cụ, dụng cụ	1.972.657.676	2.996.060.400
Khác	1.928.161.016	1.348.142.735
TỔNG CỘNG	8.552.993.087	11.797.010.284

(*) Quyền sử dụng đất trị giá 1.073.921.682 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (Thuyết minh số 21.1 và 21.2).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	160.102.610.558	784.680.330.112	16.209.744.911	4.146.421.034	965.139.106.615
Mua mới	2.275.550.084	6.824.460.334	5.203.637.364	84.200.000	14.387.847.782
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.454.126.026	8.322.904.222	-	-	9.777.030.248
Thanh lý	(1.075.661.178)	(4.559.259.521)	(475.241.694)	-	(6.110.162.393)
Số cuối năm	162.756.625.490	795.268.435.147	20.938.140.581	4.230.621.034	983.193.822.252
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.668.938.616	113.361.333.314	506.000.000	1.357.577.156	116.893.849.086
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	59.711.711.956	300.152.563.080	3.573.617.665	1.915.377.615	365.353.270.316
Khấu hao trong năm	9.625.706.488	58.115.953.784	2.040.562.037	629.382.492	70.411.604.801
Thanh lý	(606.232.540)	(1.645.623.059)	(160.930.908)	-	(2.412.786.507)
Số cuối năm	68.731.185.904	356.622.893.805	5.453.248.794	2.544.760.107	433.352.088.610
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	100.390.898.602	484.527.767.032	12.636.127.246	2.231.043.419	599.785.836.299
Số cuối năm	94.025.439.586	438.645.541.342	15.484.891.787	1.685.860.927	549.841.733.642
Trong đó					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 21.1 và 21.2)	35.757.488.297	307.870.502.815	-	-	343.627.991.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND
Máy móc và thiết bị

Nguyên giá:

Số đầu năm và cuối năm	<u>73.767.448.385</u>
------------------------	-----------------------

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	6.157.392.699
Khấu hao trong năm	<u>4.917.830.055</u>
Số cuối năm	<u>11.075.222.754</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>67.610.055.686</u>
Số cuối năm	<u>62.692.225.631</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>430.000.000</u>	<u>680.686.516</u>	<u>1.110.686.516</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	589.186.516	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	597.563.603	597.563.603
Hao mòn trong năm	-	<u>18.300.005</u>	<u>18.300.005</u>
Số cuối năm	-	<u>615.863.608</u>	<u>615.863.608</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>430.000.000</u>	<u>83.122.913</u>	<u>513.122.913</u>
Số cuối năm	<u>430.000.000</u>	<u>64.822.908</u>	<u>494.822.908</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà ở cán bộ nhân viên	3.271.803.998	-
Hệ thống ERP	-	2.992.636.514
TỔNG CỘNG	3.271.803.998	2.992.636.514

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	130.000.000.000	130.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	30.119.552.000	30.119.552.000
TỔNG CỘNG	160.119.552.000	160.119.552.000

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào công ty con như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư	% sở hữu	Chi phí đầu tư	% sở hữu
	VND		VND	
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai (i)	130.000.000.000	100	130.000.000.000	100

- (i) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai ("Nhiệt điện Gia Lai") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900974477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của Nhiệt điện Gia Lai là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng và xây dựng công trình dân dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư VND	% sở hữu	Chi phí đầu tư VND	% sở hữu
Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU (i)	13.703.680.000	5,00	13.703.680.000	5,00
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (ii)	12.215.872.000	6,58	12.215.872.000	6,58
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (iii)	4.200.000.000	14,00	4.200.000.000	14,00
TOTAL	30.119.552.000		30.119.552.000	

- (i) Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU ("TSU") được thành lập tại Singapore theo Giấy đăng ký Kinh doanh số 201530328M ngày 29 tháng 7 năm 2015. Hoạt động chính của TSU là mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục đăng ký với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai liên quan đến khoản đầu tư này.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Đường Nước Trong là sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (iii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía đường TTC") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Mía đường TTC đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Mía đường TTC là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	8.926.177.564	8.868.825.238
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp		
Hùng Vương	248.045.872	2.064.338.090
Công ty Cổ phần Hùng Long	-	1.103.615.931
Khác	8.678.131.692	5.700.871.217
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.117.635.389	2.703.011.862
TỔNG CỘNG	11.043.812.953	11.571.837.100

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30) (*)	72.570.000.000	-
Bên khác trả tiền trước	122.704.593	140.593
TỔNG CỘNG	72.692.704.593	140.593

(*) Khoản trả trước từ bên liên quan phải chịu lãi suất 7,5% một năm.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.194.768.372	34.228.128.714	34.765.613.944	3.657.283.142
Thuế thu nhập cá nhân	160.828.778	1.294.635.534	1.199.246.502	256.217.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	93.739.285	-	93.739.285
Thuế khác	133.760	121.491.440	121.469.400	155.800
TỔNG CỘNG	4.355.730.910	35.737.994.973	36.086.329.846	4.007.396.037
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.713.479	-	54.713.479	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	7.524.463.332	8.349.556.825
Lãi ứng trước tiền hàng	1.862.580.708	-
Chi phí vận chuyển	1.330.886.137	1.082.353.587
Khác	1.114.819.831	470.120.928
TỔNG CỘNG	11.832.750.008	9.902.031.340

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi hộ	726.920.474	636.256.804
Nhận ký quỹ	475.554.956	305.756.956
Mượn từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	6.514.109.964
Khác	1.021.493.350	1.450.194.909
TỔNG CỘNG	2.223.968.780	8.906.318.633

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	796.609.245.072	748.373.268.756
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	742.498.415.986	694.052.439.670
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	43.228.000.000	43.438.000.000
Vay bên khác dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	1.720.000.000	1.720.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	9.162.829.086	9.162.829.086
Dài hạn	211.224.051.463	261.918.360.321
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	174.173.442.389	213.984.922.167
Vay bên khác (Thuyết minh số 21.3)	2.690.000.000	4.410.000.000
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 21.4)	34.360.609.074	43.523.438.154
TỔNG CỘNG	1.007.833.296.535	1.010.291.629.077

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5, 9, 10 và 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	399.244.720.271	Từ ngày 6 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017	5,3	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	109.209.739.340	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2017 đến ngày 7 tháng 9 năm 2017	5,6 – 6,0	Thành phẩm thương mại trị giá 126.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	88.143.956.375	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017	5,7 – 6,0	Các khoản phải thu và thành phẩm tồn kho tổng trị giá 6.250.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	70.000.000.000	Ngày 28 tháng 7 năm 2017	5,8	Các khoản phải thu và thành phẩm tồn kho tổng trị giá 120.000.000.000 VND
Ngân hàng Maybank – Chi nhánh Hồ Chí Minh	40.000.000.000	Ngày 29 tháng 11 năm 2017	6,2	Các khoản phải thu và thành phẩm tồn kho tổng trị giá 2.500.000 đô la Mỹ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	35.900.000.000	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2017 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017	6,2	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
TỔNG CỘNG	742.498.415.986			



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích đầu tư hình thành tài sản cố định. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5, 9, 10 và 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	194.720.647.942	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	9,8	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	13.822.267.554	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2017 đến ngày 13 tháng 2 năm 2022	9,8	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	8.858.526.893	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 đến ngày 15 tháng 2 năm 2022	8,0 – 9,8	Máy móc, thiết bị tài trợ từ khoản vay
TỔNG CỘNG	217.401.442.389			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	43.228.000.000			
Vay dài hạn	174.173.442.389			

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn từ bên khác

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn từ bên khác nhằm mục đích đầu tư hình thành tài sản cố định. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc (%/năm)	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Quý Bảo vệ Môi trường Việt Nam	4.410.000.000			
		Từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020	5,40	Thư bảo lãnh từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.000.000
Vay dài hạn	2.690.000.000

21.4 Nợ thuế tài chính dài hạn

Công ty hiện đang thuế máy móc thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Từ 1 năm trở xuống	12.752.367.380	3.589.538.294	9.162.829.086	13.588.475.534	4.425.646.448
					9.162.829.086
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1 – 5 năm	40.380.015.106	6.019.406.032	34.360.609.074	45.997.402.004	9.346.085.666
Trên 5 năm	-	-	-	7.134.980.475	262.858.659
					36.651.316.338
TỔNG CỘNG	53.132.382.486	9.608.944.326	43.523.438.160	66.720.858.013	14.034.590.773
					52.686.267.240

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ đã góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	VND
Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 (chưa kiểm toán)	389.998.760.000	54.362.914.423	44.915.244.726	(255.383.119)	489.021.536.030
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	30.536.660.180	-	30.536.660.180
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.599.931.089)	-	(1.599.931.089)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	389.998.760.000	54.362.914.423	73.851.973.817	(255.383.119)	517.958.265.121

Năm nay

Số đầu năm	389.998.760.000	54.362.914.423	73.851.973.817	(255.383.119)	517.958.265.121
Tăng vốn trong năm (*)	150.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	100.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	79.528.430.313	-	79.528.430.313
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.210.900.484)	-	(9.210.900.484)
Số cuối năm	539.998.760.000	54.362.914.423	94.169.503.646	(255.383.119)	688.275.794.950

(*) Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên thành 539.998.760.000 VND theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HDQT ngày 21 tháng 2 năm 2017, trong đó, tăng vốn bằng tiền là 100.000.000.000 VND và tăng vốn bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 50.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18 vào ngày 1 tháng 3 năm 2017.

22.2 Vốn điều lệ đã góp

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp	
Vốn điều lệ	% sở hữu	VND	VND
539.998.760.000	100	539.998.760.000	539.998.760.000

Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Tổng doanh thu	1.010.990.541.290	672.776.101.948
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	843.662.548.892	547.035.286.335
Doanh thu bán phân bón	68.702.234.400	40.636.857.977
Doanh thu bán mật đường	65.756.674.286	63.039.983.270
Doanh thu khác	32.869.083.712	22.063.974.366
Trừ	-	(7.045.487.373)
Hàng bán bị trả lại	-	(7.025.140.099)
Giảm giá hàng bán	-	(20.347.274)
Doanh thu thuần	1.010.990.541.290	665.730.614.575
Trong đó:		
Doanh thu bán đường	843.662.548.892	540.010.146.236
Doanh thu bán phân bón	68.702.234.400	40.636.857.977
Doanh thu bán mật đường	65.756.674.286	63.039.983.270
Doanh thu khác	32.869.083.712	22.043.627.092
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	927.111.214.349	595.693.314.027
Doanh thu đối với bên khác	83.879.326.941	70.037.300.548

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Thu nhập lãi	41.970.414.338	17.753.856.919
Thu nhập cổ tức	190.873.000	381.746.000
Khác	-	999.750
TỔNG CỘNG	42.161.287.338	18.136.602.669

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Giá vốn đường	668.166.082.408	444.290.034.285
Giá vốn phân bón	68.238.329.878	40.256.271.594
Giá vốn mật đường	65.772.970.490	60.185.952.019
Khác	30.474.065.547	20.720.235.921
TỔNG CỘNG	832.651.448.323	565.452.493.819

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Lãi vay	63.414.111.248	47.407.308.360
Lãi ứng trước tiền hàng	15.853.168.345	-
Lỗ từ giải thể công ty con	-	1.284.720.000
Khác	4.902.009	9.705.513
TỔNG CỘNG	79.272.181.602	48.701.733.873

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Chi phí bán hàng	27.255.899.939	18.313.293.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.693.648.696	13.432.915.704
Khấu hao tài sản cố định	3.601.885.953	2.699.773.694
Chi phí nhân viên	1.204.612.139	1.019.027.115
Chi phí khác	755.753.151	1.161.577.067
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.934.554.999	24.352.507.042
Chi phí nhân viên	16.406.775.068	11.935.660.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.555.058.984	5.475.889.619
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.827.744.941	1.248.843.233
Chi phí khác	10.144.976.006	5.692.113.777
TỔNG CỘNG	62.190.454.938	42.665.800.622

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Thu nhập khác	1.834.294.023	850.420.516
Phế liệu	1.508.380.001	606.240.000
Khác	325.914.022	244.180.516
Chi phí khác	1.195.154.711	948.203.908
Lỗ thanh lý tài sản cố định	1.091.759.797	360.131.150
Khác	103.394.914	588.072.758
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	639.139.312	(97.783.392)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	729.411.068.222	475.876.907.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.196.046.058	35.859.849.705
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	50.304.189.379	50.182.592.288
Chi phí nhân công	47.068.995.212	35.652.660.769
Chi phí khác	11.861.604.390	10.546.284.215
TỔNG CỘNG	894.841.903.261	608.118.294.441

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo Công văn số 3121/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Gia Lai ban hành ngày 22 tháng 10 năm 2015.

Thuế suất thuế TNDN đối với các hoạt động khác của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	148.452.764	59.869.004
Thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(3.647.123.646)
TỔNG CỘNG	148.452.764	(3.587.254.642)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
		Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	Năm nay	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.676.883.077	26.949.405.538
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	15.935.376.615	5.928.869.218
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Thuế TNDN được miễn	(16.095.650.197)	(6.083.775.213)
Chi phí không được khấu trừ	346.900.946	298.759.119
Thu nhập cổ tức	(38.174.600)	(83.984.120)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(3.647.123.646)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	148.452.764	(3.587.254.642)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán thành phẩm Thu nhập lãi	336.845.473.365 685.216.875	51.962.857.142 -
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Cho vay Thu tiền vay Bán thành phẩm Góp vốn Phân phối lợi nhuận Thu nhập lãi Mua hàng hóa Mua tài sản Bán tài sản Sử dụng dịch vụ	269.000.000.000 249.000.000.000 150.290.971.287 150.000.000.000 50.000.000.000 2.419.666.664 488.571.428 365.954.964 316.914.846 13.636.364	140.000.000.000 140.000.000.000 99.776.122.725 - - 2.377.211.255 1.767.560.694 - - 4.431.335.358
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán thành phẩm Cho vay Thu tiền vay Thu nhập lãi Chi phí lãi Sử dụng dịch vụ Mua hàng hóa	215.176.674.286 163.800.000.000 55.000.000.000 11.773.771.604 10.454.818.345 1.513.638.997 166.151.273	102.595.238.032 220.000.000.000 220.000.000.000 4.828.125.695 - 1.199.324.427 2.699.175.352
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán thành phẩm Mua hàng hóa Bán tài sản	136.595.511.903 70.193.889 -	- 111.980.981 1.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay Bán thành phẩm Thu nhập lãi	109.000.000.000 21.085.714.287 13.269.408.485	- 147.595.238.096 840.213.667

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
				VND
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay Thu tiền vay Bán thành phẩm Chi phí lãi Thu nhập lãi Sử dụng dịch vụ	76.000.000.000 41.000.000.000 15.400.000.000 5.398.350.000 4.018.345.832 1.056.522.712	20.000.000.000 20.000.000.000 112.659.030.953 - 660.461.575 -
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa Thu nhập lãi Cho vay Thu tiền vay	63.889.944.023 2.142.684.863 - -	41.842.388.874 1.183.634.362 16.000.000.000 16.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán thành phẩm Thu nhập lãi Mua hàng hóa	33.846.428.571 1.554.510.070 -	73.859.523.809 1.849.103.196 211.134.546
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Cho vay Thu tiền vay Bán thành phẩm Trả tiền mượn Cung cấp dịch vụ Mượn tiền Góp vốn	28.800.000.000 28.800.000.000 13.137.857.378 8.514.109.964 3.446.000.000 2.000.000.000 -	- - 3.872.669.270 29.150.000.000 3.372.634.000 41.000.000.000 32.643.219.455
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Bao bì Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	9.832.842.768	4.466.415.160

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
				VND
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Bên liên quan	Mua hàng hóa Thu nhập cổ tức	8.866.190.476 190.873.000	- 381.746.000
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán tài sản Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ Thu nhập lãi	2.427.073.000 753.795.000 345.000.000 160.118.698	- - - -
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	1.586.131.200	1.305.000.000
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản	686.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	660.468.476	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	-	924.238.000
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	427.837.502
Công ty Cổ phần Khai Thác và Quản lý Khu Công Nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Thu nhập lãi	-	239.452.777

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán thành phẩm	45.780.000.000	53.200.900.000	
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Bán thành phẩm	13.653.734.725	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán thành phẩm	10.520.376.000	42.625.000.000	
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	8.190.000.000	7.769.810.000	
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán thành phẩm	4.284.000.000	143.253.333	
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Bán thành phẩm	3.225.868.000	-	
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán thành phẩm	754.600.000	-	
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan	Bán thành phẩm	121.000.000	-	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán thành phẩm	-	154.975.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán thành phẩm	-	49.752.500.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán thành phẩm	-	5.550.000.000	
			86.529.578.725	314.016.463.333	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa	20.842.336.700	-	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	73.195.580	378.745.500	
			20.915.532.280	378.745.500	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay	109.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	108.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	35.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Cho vay	20.000.000.000	-	-
			272.800.000.000	-	-
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Tiền lãi	2.755.277.777	840.213.667	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Tiền lãi	1.827.261.867	336.368.056	
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Tiền lãi	685.216.875	-	
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Tiền lãi	654.736.111	-	
		Chi hộ	-	51.418.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Tiền lãi	277.083.333	149.135.882	
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Tiền lãi	223.733.416	84.828.913	
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Bên liên quan	Tiền lãi	160.118.698	-	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Tiền lãi	-	800.877.048	
			6.583.428.077	2.262.841.566	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ Mua hàng hóa	781.936.022	611.557.198	
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	-	220.683.100	
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Mua hàng hóa Sử dụng dịch vụ	570.940.000	677.500.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	365.954.964	582.601.621	
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	169.723.125	315.083.943	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	100.300.000	-	
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa	77.213.278	13.200.000	
			51.568.000	-	
			-	282.386.000	
			2.117.635.389	2.703.011.862	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	72.570.000.000	-	
Phải trả ngắn hạn khác					
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Mượn	-	6.514.109.964	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Dương Thúy Hằng
Người lập



Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng



Hoàng Trọng Tịnh
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 10 năm 2017

THÀNH
CÔNG
GIA LAI

8900421955
V
CÔNG
THÀNH
GIA LAI